

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-PT

Ngày 19 - 9 - 2024

V/v chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2024/TLPT- HNGĐ ngày 15/8/2024 về việc “chia tài sản chung sau ly hôn”. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị ông Nguyễn Văn N kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2024/QĐ-PT ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐ-PT ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thu P - Sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - Sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đào Thị M, sinh năm 1955 (vắng mặt) và ông Hàn Tổ V, sinh năm 1952 (vắng mặt) - Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

+ Anh Nguyễn Hà Hoài N1 - Sinh năm 2001 (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Hà Hoài T - Sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Bà Hà Thị Thu P và ông Nguyễn Văn N ly hôn theo Quyết định số 184/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định, Toà án giao con chung cháu Nguyễn Hà Phương T1 sinh ngày 02/01/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà P và ông N không tự thoả thuận được phân chia tài sản nên bà P khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung của bà P và ông N.

- Quá trình giải quyết vụ án, bà P, ông N đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông N tạo lập được các tài sản chung sau:

+ Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 82, diện tích 585,5 m² (trong đó 100 m² đất ở và 485,5 m² đất trồng cây hàng năm khác) địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 329695 ngày 07/4/2022, đứng tên ông Nguyễn Văn N. Trên đất có hàng rào, giếng khoan, cây trồng các loại. Các bên thoả thuận thửa đất này trị giá 800.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 82, diện tích 1.353,2 m² và 01 phần đất có diện tích 165 m² để đi vào thửa đất, địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Hàn Tô V và bà Đào Thị M vào năm 2011, hai bên viết giấy sang nhượng đất, đã thanh toán gần hết tiền, còn nợ lại 10.000.000 đồng, đã bàn giao đất trên thực địa. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 132,9 m², giếng khoan, sân lát xi măng có mái che, chuồng gà, hàng rào và cây trồng các loại. Các bên thoả thuận thửa đất này trị giá 800.000.000 đồng.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10, biển số 47A-432.26 đứng tên ông Nguyễn Văn N. Hiện ông N đang sử dụng để chạy taxi. Các bên thoả thuận xe ô tô trị giá 100.000.000 đồng.

- Nợ chung: Khi mua thửa đất số 127, bà P và ông N còn nợ lại vợ chồng ông V, bà M 10.000.000 đồng.

*** Nguyên đơn bà Hà Thị Thu P trình bày:** Nguyên vọng của bà là được nhận thửa đất số 313; còn thửa đất 127 và xe ô tô thì giao cho ông N. Bà không yêu cầu ông N phải bù tiền chênh lệch. Về nợ chung bà đề nghị Toà án chia đôi.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:** Trong thời gian bà P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ông N đã tích góp tiền để mua thửa đất số 313, ông đã canh tác, sử dụng đất, có công sức đóng góp nhiều hơn nên nguyên vọng của ông N được nhận thửa đất số 313 và xe ô tô. Còn giao thửa đất 127 cho bà P. Về nợ chung ông đề nghị Toà án chia đôi.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hàn Tô V và bà Đào Thị M trình bày:** Năm 2011 vợ chồng ông V, bà M chuyển nhượng cho bà P, ông N thửa đất số 127 diện tích 1.200 m² (đo thực tế 1.353,2 m²) và một phần diện tích đất rộng khoảng 03 m, dài khoảng 50 m để làm lối đi vào thửa đất 127, với giá 30.000.000 đồng. Do đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên viết giấy sang nhượng tay cho nhau, không công chứng chứng thực. Hai bên thoả

thuận, bà P, ông N thanh toán trước 20.000.000 đồng, sau này vợ chồng ông V, bà M hoàn tất thủ tục sang tên thì thanh toán nốt 10.000.000 đồng. Bà P, ông N đã giao cho vợ chồng ông V 20.000.000 đồng, đã nhận bàn giao đất trên thực địa, quản lý sử dụng từ đó đến nay không tranh chấp. Do thửa đất 127 vợ chồng ông V đã chuyển nhượng cho bà P, ông N nên không có ý kiến, thắc mắc gì về việc bà P, ông N yêu cầu phân chia thửa đất này. Trường hợp sau này Toà án giao thửa đất cho ông N hoặc bà P sử dụng thì vợ chồng ông V cam kết có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, tách thửa. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà P, ông N2 còn nợ chưa trả thì vợ chồng ông V, bà M yêu cầu bà P, ông N phải trả nợ số tiền trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hà Hoài N1 và chị Nguyễn Hà Hoài T trình bày:** Anh N1, chị T là con của ông N, bà P. Anh N1, chị T không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của ông N, bà P. Nay bà P, ông N khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày:** Năm 2022 gia đình ông chuyển nhượng cho bà P, ông N thửa đất số 313 với giá 960.000.000 đồng. Khi đặt cọc thì bà P, ông N có mặt, giao tiền đặt cọc. Khi đến phòng công chứng thì chỉ có mặt ông N, ông N nói gia đình ông L làm thủ tục chuyển nhượng cho một mình ông N nên hai bên ký kết hợp đồng sang nhượng cho ông N. Sau khi ký kết hợp đồng, ông N đã thanh toán xong tiền, gia đình ông L đã bàn giao đất cho ông N sử dụng từ đó đến nay. Ông L không còn liên quan gì nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định: Áp dụng khoản 13 Điều 3, Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu P.

+ Tạm giao cho ông Nguyễn Văn N được quyền quản lý sử dụng tài sản gồm:

Lô đất có diện tích 1.353,2 m² thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 82, có vị trí đông giáp đất ông V, bà M, tây giáp đất ông Q, nam giáp đất ông Bình C, bắc giáp đất bà P1 và thửa 312. Trên đất có các tài sản 01 căn nhà cấp 4, 01 giếng khoan, 1 sân lát xi măng có mái che, 01 chuồng gà, hàng rào và cây trồng các loại. Trị giá 800.000.000 đồng.

01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10, biển số 47A-432.26 đứng tên ông Nguyễn Văn N. Trị giá 100.000.000 đồng.

Tổng cộng ông N được quản lý, sử dụng số tài sản trị giá 900.000.000 đồng.

+ Giao cho bà Hà Thị Thu P được quyền quản lý, sử dụng số tài sản là: *01 thửa đất có diện tích 585,5 m², thuộc thửa đất số 313, tờ bản đồ số 82, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 329695 ngày 07/4/2022, đứng tên ông Nguyễn Văn N, có vị trí đông giáp lối đi, tây giáp thửa 312, nam giáp thửa 127, bắc giáp đường đi. Tài sản trên đất gồm 01 giếng khoan, hàng rào và cây trồng các loại. Trị giá 800.000.000 đồng.*

- Về nợ: Ghi nhận ông Nguyễn Văn N và bà Hà Thị Thu P mỗi người thanh toán cho ông Hàn Tổ V và bà Đào Thị M 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí.

Ngày 11/7/2024 ông Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giao thửa đất số 313 và xe ô tô cho ông N, giao thửa đất số 127 cho bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hà Thị Thu P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận, cụ thể các thoả thuận có nội dung như sau:

- Về tài sản chung:

+ Giao cho các con là anh Nguyễn Hà Hoài N1, chị Nguyễn Hà Hoài T, chị Nguyễn Hà Phương T1 quyền sử dụng thửa đất số 127 diện tích 1.353,2 m² và 01 phần đất có diện tích 165 m² để đi vào thửa đất, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

+ Giao cho ông N quyền sử dụng thửa đất số 313 và toàn bộ tài sản trên đất, giá trị của thửa đất là 1.100.000.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10, biển số 47A-432.26, giá trị 100.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông N được nhận là 1.200.000.000 đồng.

Ông N có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà P là 600.000.000 đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán theo trình tự, thủ tục thi hành án.

- Về nợ chung: Ông N và bà P mỗi người phải thanh toán cho ông V và bà M 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàn Tổ V, bà Đào Thị M, anh Nguyễn Hà Hoài N1, chị Nguyễn Hà Hoài T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị Thu P, ông Nguyễn Văn N đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông N tạo lập được các tài sản chung, nợ chung như sau:

+ Thửa đất số 313, tờ bản đồ số 82, diện tích 585,5 m² (trong đó 100 m² đất ở và 485,5 m² đất trồng cây hàng năm khác) địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 329695 ngày 07/4/2022, đứng tên ông Nguyễn Văn N. Trên đất có hàng rào, giếng khoan, cây trồng các loại.

+ Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 82, diện tích 1.353,2 m² và 01 phần đất có diện tích 165 m² để đi vào thửa đất, địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Hàn Tố V và bà Đào Thị M vào năm 2011, hai bên viết giấy sang nhượng đất, đã thanh toán gần hết tiền, còn nợ lại 10.000.000 đồng, hai bên đã bàn giao đất trên thực địa. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 132,9 m², giếng khoan, sân lát xi măng có mái che, chuồng gà, hàng rào và cây trồng các loại.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10, biển số 47A-432.26 đứng tên ông Nguyễn Văn N.

- Nợ chung: Bà Hà Thị Thu P, ông Nguyễn Văn N và vợ chồng ông Hàn Tố V, bà Đào Thị M đều xác nhận khi sang nhượng thửa đất số 127, bà P và ông N còn nợ lại vợ chồng ông V, bà M 10.000.000 đồng.

[2.2]. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Hà Thị Thu P và ông Nguyễn Văn N thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về tài sản chung:

+ Giao cho các con là anh Nguyễn Hà Hoài N1, chị Nguyễn Hà Hoài T, chị Nguyễn Hà Phương T1 quyền sử dụng thửa đất số 127 diện tích 1.353,2 m² và 01 phần đất có diện tích 165 m² để đi vào thửa đất, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

+ Giao cho ông N quyền sử dụng thửa đất số 313 và toàn bộ tài sản trên đất, giá trị của thửa đất là 1.100.000.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10, biển số 47A-432.26, giá trị 100.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông N được nhận là 1.200.000.000 đồng.

Ông N có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà P là 600.000.000 đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán theo trình tự, thủ tục thi hành án.

- Về nợ chung: Ông N và bà P mỗi người phải thanh toán cho ông V và bà M 5.000.000 đồng.

[2.3]. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần công nhận là phù hợp với Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

* Án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hà Thị Thu P được chia tài sản chung, giá trị tài sản được nhận là 600.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả nợ 5.000.000 đồng nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (205.000.000 đồng X 4%) = 28.200.000 đồng. Được khấu trừ vào 8.750.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 3388 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ, bà P còn phải nộp 19.450.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N được chia tài sản chung, giá trị tài sản được nhận là 600.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả nợ 5.000.000 đồng nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (205.000.000 đồng X 4%) = 28.200.000 đồng.

* Án phí dân sự phúc thẩm: Ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông N 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 5950 ngày 22/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Hà Thị Thu P và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 4.550.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do bà P đã tạm ứng số tiền này nên ông N có nghĩa vụ thanh toán cho bà P 4.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của bà Hà Thị Thu P và ông Nguyễn Văn N.

- Về tài sản chung.

+ Giao cho anh Nguyễn Hà Hoài N1, chị Nguyễn Hà Hoài T, chị Nguyễn Hà Phương T1 quyền sử dụng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 82, diện tích 1.353,2 m² và con đường đi vào thửa đất có diện tích 165 m², địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất có vị trí phía đông giáp thửa đất số 120 dài 50,01 m (25,06 m + 20,01 m + 1,86 m + 3,08 m) và thửa 313 dài 50,1 m (31,78 m + 18,32 m), phía tây giáp thửa đất số 129 dài 87,74 m (28,67 m + 8,95 m + 32,04 m + 18,08 m), phía nam giáp thửa đất số 141 dài 27,49 m, phía bắc giáp thửa đất 312 dài 17,02 m (3,48 m + 6,30 m + 7,24 m), thửa 313 dài 11,87 m và đường đi 2,9 m (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 132,9 m², 01 giếng khoan, 01 sân lát xi măng chữ L có mái che, 01 chuồng gà và cây trồng các loại (22 cây Sầu riêng, 42 cây Cà phê, 05 cây Vải, 06 cây Mãng cầu, 03 cây Chanh, 07 cây Chôm Chôm, 02 cây Vú sữa, 01 cây Na, 03 cây Ổi, 05 cây Xưa, 01 cây Xoài, 01 cây Cóc, 01 cây Lộc vùng, 01 cây Gòn).

+ Giao cho ông Nguyễn Văn N quyền sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ số 82, diện tích 585,5 m² (trong đó 100 m² đất ở và 485,5 m² đất trồng cây hàng năm khác) địa chỉ thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 329695 ngày 07/4/2022, đứng tên ông Nguyễn Văn N. Thửa đất có vị trí phía đông giáp thửa đất số 312 dài 48,11 m (25,89 m + 22,22 m), phía tây giáp đường đi của thửa đất số 127 dài 50,01 m (31,78 m + 18,32 m), phía nam giáp thửa đất số 127 dài 11,87 m, phía bắc giáp đường đi dài 12,01 m.

Tài sản trên đất gồm: 01 giếng khoan, hàng rào xây gạch cao 02m không tô dài 14m, hàng rào chân xây gạch trụ sắt, kéo lưới B40 và cây trồng các loại (07 cây Bơ ghép, 05 cây Sầu riêng, 01 cây Nhãn, 02 cây M, 09 cây Cau, 06 cây Bằng lăng, 01 cây Bưởi, 01 cây Chanh, 02 bụi Chuối).

(Kèm theo Trích lục địa chính thửa đất tháng 12/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D - Chi nhánh Đ).

+ Giao cho ông Nguyễn Văn N sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, loại Grand I10 màu trắng, biển số 47A-432.26, số máy G4LAHM484881, số khung RLUG7S1DAH002347 đứng tên ông Nguyễn Văn N.

+ Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được phân chia cho bà Hà Thị Thu P là 600.000.000 đồng (trong đó 550.000.000 đồng giá trị 1/2 thửa đất 313 và 50.000.000 đồng giá trị 1/2 xe ô tô). Thời hạn thanh toán theo trình tự, thủ tục thi hành án.

- Về nợ chung: Bà Hà Thị Thu P và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải trả cho ông Hàn Tổ V và bà Đào Thị M 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hà Hoài N1, chị Nguyễn Hà Hoài T, chị Nguyễn Hà Phương T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng.

[3.1]. Về án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Hà Thị Thu P phải chịu 28.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 8.750.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Biên lai thu số 3388 ngày

17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Bà P còn phải nộp 19.450.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn N phải chịu 28.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 5950 ngày 22/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

[3.2]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho bà Hà Thị Thu P 4.550.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh Vân